

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	SPH000040	NGUYỄN MINH AN	06/02/1997	Nam		3	21.75	0	0	21.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
2	TDV000182	NGUYỄN THÁI AN	07/10/1996	Nữ		2NT	19	1	1	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
3	KQH000042	NGUYỄN VĂN AN	31/05/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
4	SPH000150	BÙI TRIỆU PHƯƠNG ANH	19/10/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
5	HVN000114	ĐÀO THỊ THÚY ANH	09/02/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
6	BKA000267	HOÀNG ANH	05/01/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
7	YTB000729	NGUYỄN THẾ ANH	11/03/1995	Nam		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
8	BKA001059	VŨ THỊ LAN ANH	13/05/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 4
9	TDV002067	LÊ CHÍ BẢO	21/11/1996	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
10	DHU001209	NGUYỄN NGỌC BẢO	14/06/1997	Nam		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
11	HVN000934	NGUYỄN NGỌC BÍCH	27/01/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
12	KHA001028	LÊ THỊ BÔNG	01/10/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
13	THP001406	TRẦN THỊ NGỌC CẢNH	12/01/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 3
14	YTB002284	PHẠM LINH CHI	11/06/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
15	BKA001715	NGUYỄN THÀNH CHUNG	06/10/1996	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
16	KHA002281	TÔ HỒNG ĐẠT	31/08/1996	Nam		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
17	HHA003227	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	25/08/1997	Nam		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
18	TLA003637	NGUYỄN HỮU ĐỨC	07/07/1992	Nam		2NT	19	1	1	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
19	TND004660	TRẦN THỊ THUỶ DƯƠNG	28/10/1997	Nữ		1	17.5	1.5	1.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
20	KHA001852	LÊ QUANG DUY	26/08/1995	Nam		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
21	THP003650	VŨ HÀ GIANG	14/10/1997	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
22	SPH004810	LÊ THỊ THU HÀ	08/01/1996	Nữ	06	3	18.25	1	1	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 3
23	YTB005992	NGUYỄN THỊ HÀ	13/12/1996	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
24	THV003594	PHẠM THỊ HỒNG HÀ	03/07/1997	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
25	TND007124	NGUYỄN NGỌC HÀO	09/08/1997	Nam		1	18	1.5	1.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
26	HDT008410	LÊ THỊ HIỀN	10/12/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
27	TND008044	VŨ LÊ TÚ HIỀN	16/07/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
28	TND008311	HỒ MINH HIẾU	02/12/1997	Nam		1	20	1.5	1.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
29	SPH006419	THIỀU QUANG HIẾU	11/06/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
30	DCN004028	NGUYỄN VĂN HIỆU	30/12/1997	Nam		2NT	18.25	1	1	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 3
31	TND008651	HỒ A HÒ	02/07/1995	Nam	01	1	16	3.5	3.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
32	HVN003804	LÊ THỊ MỸ HOA	21/11/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
33	KQH005098	PHẠM THỊ HOA	12/10/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
34	KQH005195	PHAN THỊ HÒA	09/12/1997	Nữ		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
35	TQU002026	NGUYỄN KHÁNH HOÀN	25/11/1997	Nữ	01	1	17.75	3.5	3.5	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
36	KHA003954	NGUYỄN THỊ HOÀN	21/04/1996	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
37	YTB009227	TRẦN THỊ HUẾ	17/11/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
38	TND010161	ĐÀM THỊ HỒNG HUỆ	23/08/1997	Nữ	01	1	16	3.5	3.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 3
39	TLA005938	NGUYỄN VĂN HÙNG	26/07/1996	Nam		2NT	18	1	1	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2
40	KHA004828	NGUYỄN LAN HƯƠNG	06/02/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
41	YTB010848	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	09/07/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
42	HHA007003	ĐẶNG THỊ BÍCH HƯƠNG	26/05/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
43	TND010829	NGUYỄN TUẤN HUY	25/06/1997	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
44	YTB009909	HỒ NGỌC HUYỀN	21/12/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
45	TND011101	KIỀU THỊ THANH HUYỀN	15/08/1996	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
46	TTB002817	LÝ ĐIỀU HUYỀN	30/07/1997	Nữ	01	1	16.75	3.5	3.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
47	THV005813	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	25/06/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 3
48	THV005817	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	04/02/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
49	HVN004745	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	03/03/1996	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
50	TQU002495	PHẠM THỊ THU HUYỀN	12/08/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
51	KQH007003	TRẦN GIA KHẢI	14/09/1997	Nam		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
52	YTB011345	PHẠM DUY KHÁNH	25/11/1997	Nam	04	2NT	18.25	3	3	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
53	YTB011651	NGUYỄN VĂN KIẾN	22/02/1997	Nam		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
54	HHA007605	NGUYỄN THANH LÂM	10/11/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
55	THV006891	HÀ THỊ NGỌC LAN	18/01/1997	Nữ		1	17.75	1.5	1.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
56	YTB011941	VŨ THỊ LÀN	19/02/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
57	HDT013983	HOÀNG THỊ LINH	22/04/1997	Nữ		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
58	SPH009627	LÊ THỊ THÚY LINH	01/08/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
59	YTB012608	LƯƠNG THỊ THÙY LINH	27/02/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
60	HHA008616	TIÊU CÔNG SƠN LONG	12/03/1997	Nam		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
61	DCN006913	PHAN THÀNH LUÂN	02/07/1997	Nam		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2
62	THV008241	NGUYỄN THANH LƯU	25/03/1997	Nam		1	18	1.5	1.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
63	THV008285	NGUYỄN HƯƠNG LY	19/02/1997	Nữ		1	17.75	1.5	1.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
64	HVN006636	NGUYỄN TUYẾT MAI	17/09/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
65	TND016219	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	18/10/1997	Nam		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
66	SPH011301	HỒ NGUYỄN ANH MINH	23/07/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
67	THV009029	NÔNG ĐỨC NAM	21/11/1995	Nam	01	1	15.75	3.5	3.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
68	SPH012081	VŨ PHƯƠNG NAM	22/12/1997	Nam		3	20	0	0	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
69	KQH009548	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ	19/08/1997	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
70	BAK009339	HOÀNG TRỌNG NGHĨA	22/08/1997	Nam		2NT	18.5	1	1	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
71	KQH009861	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	17/06/1997	Nữ		2	22	0.5	0.5	22.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
72	THV009484	NGÔ BÍCH NGỌC	24/10/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
73	TTB004409	TÔNG THỊ BÍCH NGỌC	06/04/1997	Nữ	01	1	16	3.5	3.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
74	HDT018867	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	12/07/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
75	YTB016731	ĐẶNG THỊ OANH	20/08/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2
76	TQU004201	NGUYỄN NGỌC OANH	21/11/1997	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
77	SPH013693	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	15/01/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
78	HDT020575	NGUYỄN ANH QUÂN	12/02/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
79	DCN009412	ĐẶNG THỊ QUỲNH	30/10/1997	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
80	YTB018305	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	28/10/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
81	HHA011936	BÙI VĂN SƠN	10/08/1997	Nam		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
82	DCN009774	TRẦN THÁI SƠN	11/11/1996	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
83	TQU004885	BÙI NHẬT TÂN	18/11/1997	Nam		1	18.25	1.5	1.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
84	TDV028571	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	28/06/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
85	TQU004981	LÊ TUẤN THÀNH	29/04/1997	Nam		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
86	HHA012667	PHẠM NHẬT THÀNH	28/09/1996	Nam		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
87	HHA013093	TRẦN THỊ THANH THẢO	24/09/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
88	YTB020605	VŨ VĂN THỊNH	22/10/1997	Nam		2NT	20.75	1	1	21.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
89	HHA013972	NGUYỄN THỊ ANH THU'	10/10/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
90	THP014649	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	20/12/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
91	KHA010008	TRẦN HOÀI THƯƠNG	01/10/1996	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2
92	DCN011706	KIỀU THỊ THU TRANG	09/07/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 3
93	YTB022768	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/05/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
94	HVN011093	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	04/08/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
95	THP015356	PHẠM THỊ THÙY TRANG	10/10/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
96	BKA013577	PHẠM THỊ THÙY TRANG	28/04/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
97	TTB006844	TRẦN HUYỀN TRANG	28/08/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
98	HHA014973	LÊ THỊ PHƯƠNG TRINH	09/10/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
99	THP015989	HOÀNG ANH TUẤN	15/01/1997	Nam		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
100	YTB024951	LÊU THỊ THUỖ VÂN	21/12/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
101	THP016678	VŨ THỊ VÂN	04/05/1996	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
102	TND029475	LA THỊ VÓC	15/05/1997	Nữ	01	1	16.75	3.5	3.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
103	LNH010924	TUỖNG THỊ NHƯ Ý	12/04/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
104	HVN012572	TẠ THỊ HOÀNG YẾN	24/04/1996	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
105	HVN000018	NGUYỄN LÊ DUYÊN AN	08/10/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 3
106	TLA000318	HÀ THÙY ANH	02/06/1996	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
107	YTB000575	LƯƠNG NGỌC ANH	22/04/1997	Nam		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
108	TND000694	NGUYỄN QUỲNH ANH	09/10/1997	Nữ	01	1	18.5	3.5	3.5	22	Kinh tế	Nguyên vọng 1
109	HVN000429	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	11/11/1997	Nữ		2NT	18.25	1	1	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
110	HHA000622	NGUYỄN THỊ MINH ANH	08/08/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
111	YTB000898	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	08/11/1997	Nữ		2NT	21.5	1	1	22.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
112	TLA001031	NGUYỄN VŨ NGỌC ANH	12/04/1997	Nữ		3	19	0	0	19	Kinh tế	Nguyên vọng 3
113	YTB001056	PHAN THỊ KỲ ANH	04/01/1997	Nữ	06	2	17.5	1.5	1.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 3
114	SPH001514	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	16/12/1996	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
115	HHA001007	VŨ HẢI ANH	30/08/1997	Nữ	06	2	19	1.5	1.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
116	YTB001423	VŨ QUỲNH ANH	14/11/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
117	TLA001402	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	18/01/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
118	BKA001135	NGUYỄN HỒNG ÁNH	16/12/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
119	BKA001213	ĐINH GIA BÁCH	19/04/1997	Nam		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
120	HDT003229	ĐÀO MẠNH CƯỜNG	11/04/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
121	YTB003354	NGUYỄN THỊ DỊU	20/12/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
122	HHA002179	PHẠM THỊ THÙY DUNG	06/11/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
123	DCN002100	NGHIÊM HỒNG DƯƠNG	06/05/1996	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
124	SPH003495	NGUYỄN MỸ DUYÊN	23/05/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 3
125	HHA002579	VŨ THỊ DUYÊN	15/08/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 4
126	HDT006175	PHẠM THỊ GẮM	30/01/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
127	KQH003330	ĐÀO THỊ GIANG	16/09/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
128	SPH004685	VŨ HƯƠNG GIANG	11/12/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
129	TLA003973	BÙI NHẬT HÀ	16/12/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
130	KHA003326	TRỊNH MỸ HÂN	03/03/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
131	HDT007756	CAO THU HẰNG	21/06/1996	Nữ		2NT	22	1	1	23	Kinh tế	Nguyên vọng 1
132	THV004105	NGUYỄN THUÝ HẰNG	27/09/1997	Nữ		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
133	TLA004660	PHẠM DIỆU HẰNG	02/11/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
134	YTB006552	BÙI THỊ HẠNH	05/09/1997	Nữ		2NT	19	1	1	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
135	TQU001531	HÀ HỒNG HẠNH	05/11/1997	Nữ	01	1	17	3.5	3.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
136	TND008688	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG HOA	14/06/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
137	DHU006984	NGUYỄN THỊ THANH HOA	23/10/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
138	YTB008419	LÊ THỊ BÍCH HÒA	16/01/1997	Nữ		2NT	18.25	1	1	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
139	TTB002410	NGUYỄN THỊ HOÀI	09/05/1997	Nữ		1	18.25	1.5	1.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
140	THV005090	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	03/02/1997	Nam		1	20	1.5	1.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
141	THV005186	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	08/01/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
142	SPH008146	NGUYỄN TIẾN HÙNG	03/08/1997	Nam		3	20.5	0	0	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
143	SPH008361	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	25/12/1993	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
144	TDV014455	PHAN THỊ HƯƠNG	02/07/1997	Nữ		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
145	TQU002358	NGUYỄN QUANG HUY	06/02/1997	Nam		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
146	BKA005954	HOÀNG MAI THU HUYỀN	22/05/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
147	HHA006372	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	09/12/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
148	TND011328	PHẠM KHÁNH HUYỀN	19/12/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
149	TLA006427	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	29/09/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
150	LNH005003	BÙI THÚY LÀNH	31/05/1997	Nữ	01	1	16.5	3.5	3.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
151	BKA007168	LÊ ĐỖ HẠNH LÊ	08/05/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
152	TND013911	TRẦN THỊ LIÊN	26/11/1997	Nữ		1	17.75	1.5	1.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 3
153	HDT014122	LÊ THỊ LINH	09/06/1997	Nữ		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
154	HDT014306	MAI KHÁNH LINH	04/12/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
155	TLA007862	NGẠC THỊ THUỶ LINH	21/12/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
156	HDT014377	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	07/10/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
157	YTB012811	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	06/11/1997	Nữ		2NT	19	1	1	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
158	THP008414	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	06/10/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
159	HHA008224	PHẠM KHÁNH LINH	07/11/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
160	TQU003241	PHẠM THUỶ LINH	02/01/1998	Nữ		1	18.25	1.5	1.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
161	BKA007956	NGUYỄN THU LOAN	16/01/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
162	BKA008194	TRẦN NGỌC LUÂN	20/10/1997	Nam		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
163	YTB013808	HÀ HOÀI LY LY	30/10/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
164	SPH010870	PHÙNG HƯƠNG LY	04/06/1995	Nữ		3	19.25	0	0	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
165	HHA008832	TRẦN KHÁNH LY	23/03/1997	Nữ	06	3	18.5	1	1	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
166	HDT016183	TRƯỜNG NGỌC MAI	20/10/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
167	TDV018960	NGUYỄN HỮU MẠNH	26/05/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
168	TQU003668	NGUYỄN HOÀNG MY	01/08/1997	Nữ	01	1	17.5	3.5	3.5	21	Kinh tế	Nguyên vọng 1
169	HDT016874	TỔNG THỊ MỸ LINH	01/02/1997	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
170	YTB015204	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	02/11/1997	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
171	YTB015260	TRẦN THỊ NGÀ	01/03/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
172	HDT017613	ĐỖ THỊ THU NGÂN	12/07/1997	Nữ		2NT	18.25	1	1	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 3
173	TND017581	NGUYỄN LÊ QUỲNH NGÂN	09/10/1993	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
174	KQH009696	NGUYỄN THỊ THỦY NGÂN	28/01/1996	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
175	HHA009879	TRỊNH THỊ PHƯƠNG NGÂN	14/06/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
176	BKA009382	VŨ THỊ NGHĨA	09/08/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
177	DCN008079	NGUYỄN BÍCH NGỌC	27/10/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
178	THV009558	PHẠM HỒNG NGỌC	06/11/1997	Nữ		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
179	HVN007533	THẠCH THỊ NGỌC	10/10/1997	Nữ		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
180	YTB015844	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	28/06/1997	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
181	TND018387	NGUYỄN NHƯ NGUYỆT	26/11/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Kinh tế	Nguyên vọng 3
182	KHA007470	ĐẶNG TRẦN HOÀNG NHẬT	06/07/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 3
183	SPH012968	NGUYỄN NGỌC NHI	04/11/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
184	YTB016325	ĐỖ THỊ NHUNG	21/02/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
185	HDT018742	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	22/08/1997	Nữ		2NT	21	1	1	22	Kinh tế	Nguyên vọng 1
186	HDT018966	PHẠM THỊ KIM NHUNG	12/11/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
187	HHA010656	UÔNG THỊ HỒNG NHUNG	15/11/1997	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
188	YTB016621	HOÀNG THỊ HẢI NINH	29/07/1997	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
189	HHA010774	HOÀNG THỊ MAI OANH	09/01/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
190	BKA010095	PHẠM HOÀI OANH	18/03/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế	Nguyên vọng 2
191	TLA010915	ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	25/08/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
192	THP011503	ĐINH THỊ BÍCH PHƯƠNG	14/12/1997	Nữ		2NT	20.75	1	1	21.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
193	YTB017403	PHẠM MINH PHƯƠNG	24/01/1997	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 2
194	DCN009020	ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	13/06/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
195	BKA010663	HÀ NGỌC QUANG	07/12/1997	Nam		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
196	TTB005213	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	15/06/1997	Nữ	01	1	16.75	3.5	3.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
197	HHA011841	PHẠM THU QUỲNH	22/08/1997	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
198	DCN009770	TRẦN HỒNG SƠN	31/08/1996	Nam		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
199	HDT022243	NGUYỄN THỊ TÂM	02/08/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
200	HDT022983	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	19/02/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
201	HHA012958	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	10/12/1994	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
202	LNH009037	NGUYỄN THỊ THU	13/02/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
203	TLA014372	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	25/08/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
204	TND026844	TRẦN THỊ QUỲNH TRÂM	01/11/1997	Nữ		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
205	SPH017333	ĐÀO MINH TRANG	26/11/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
206	KQH014384	ĐỖ THUỶ TRANG	23/12/1997	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
207	TQU005837	NGUYỄN LINH TRANG	16/08/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
208	SPH017532	NGUYỄN MAI TRANG	15/09/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 2
209	TLA014062	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	05/08/1996	Nữ		3	19	0	0	19	Kinh tế	Nguyên vọng 1
210	SPH017580	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	10/12/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
211	SPH017694	NGUYỄN THU TRANG	23/07/1996	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
212	TLA014200	NGUYỄN THÙY TRANG	10/09/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Kinh tế	Nguyên vọng 1
213	TLA014201	NGUYỄN THÙY TRANG	14/02/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
214	BKA013539	NGUYỄN THÙY VÂN TRANG	28/06/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
215	BKA013988	VŨ ĐÌNH TRUYỀN	12/04/1980	Nam	03	2	19	2.5	2.5	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 2
216	TND027850	NGUYỄN ANH TUẤN	21/09/1997	Nam	01	1	16.5	3.5	3.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 2
217	HVN012161	NGUYỄN THỊ VÂN	19/11/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
218	BKA014839	NGUYỄN THỊ VÂN	23/07/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
219	SPH019198	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	26/02/1997	Nam		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 1
220	TLA015574	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	11/09/1997	Nam		3	19.75	0	0	19.75	Kinh tế	Nguyên vọng 2
221	TDV036953	NGUYỄN HẢI YẾN	20/05/1996	Nữ		2NT	19	1	1	20	Kinh tế	Nguyên vọng 1
222	LNH011032	TRƯỜNG THỊ HẢI YẾN	04/09/1996	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Kinh tế	Nguyên vọng 1
223	HDT000043	LÊ THỊ QUỲNH AN	04/08/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
224	TLA000141	BÙI VIỆT ANH	28/02/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
225	HVN000306	NGUYỄN ĐỨC VIỆT ANH	19/09/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
226	BKA000555	NGUYỄN QUANG ANH	23/05/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
227	BKA000729	PHAN NGỌC ANH	26/05/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
228	TDV001415	TRẦN HOÀI ANH	26/10/1997	Nữ		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
229	SPH001635	VŨ HẢI ANH	07/09/1997	Nữ		3	22.25	0	0	22.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
230	YTB001501	BÙI NGỌC ÁNH	25/10/1997	Nữ		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
231	SPH001781	NGUYỄN NGỌC ÁNH	02/06/1997	Nữ		3	21.75	0	0	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
232	THV000887	DƯƠNG TRUNG BÁCH	19/07/1997	Nam		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
233	LNH000868	NGUYỄN THỊ BÔNG	08/04/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
234	TDV003003	PHẠM THỊ LINH CHI	07/05/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
235	HDT003283	LÊ HÙNG CƯỜNG	22/09/1992	Nam		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
236	TDV003835	NGÔ TRÍ CƯỜNG	06/01/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
237	HHA003030	PHẠM HOÀNG TẤN ĐẠT	18/11/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
238	KHA001819	VŨ QUANG DŨNG	26/12/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
239	YTB004404	PHẠM LÊ NHẬT DƯƠNG	09/08/1997	Nam		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
240	KQH002453	NGUYỄN THỊ DUYÊN	05/08/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
241	HDT007088	BÙI KHÁNH HẢI	25/02/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
242	YTB006462	PHẠM THẾ HẢI	14/12/1996	Nam		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
243	TND007256	ĐẶNG THỊ HẰNG	01/02/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
244	BKA004216	DƯƠNG THUÝ HẰNG	06/01/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
245	TLA004674	QUÁCH THỊ THANH HẰNG	12/05/1997	Nữ		3	21.5	0	0	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
246	HVN003023	NGUYỄN THỊ HẠNH	04/01/1997	Nữ		2	22	0.5	0.5	22.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
247	KHA003158	NGUYỄN MINH HẢO	05/02/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
248	TDV008880	TRẦN THỊ THU HẢO	03/02/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
249	HVN003544	LÊ QUANG HIẾN	29/08/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
250	THP004762	ĐÀO THU HIỀN	22/06/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
251	KHA003377	DƯƠNG THỊ HIỀN	13/06/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
252	HDT008462	LÊ THU HIỀN	12/10/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
253	TND007960	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/04/1997	Nữ	01	1	18.5	3.5	3.5	22	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
254	THV004813	BỒ THỊ HÒA	01/07/1997	Nữ	01	1	17.25	3.5	3.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
255	KHA003984	HÀ MINH HOÀNG	26/06/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
256	HVN004119	TRẦN KHẮC HOÀNG	11/10/1997	Nam		2	21.5	0.5	0.5	22	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
257	DCN004476	HỒ THỊ HỘI	12/03/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
258	TND012067	TRỊNH NGUYỆT YẾN HƯƠNG	21/01/1997	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
259	YTB010998	ĐOÀN THỊ THU HƯỜNG	11/10/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
260	TDV013454	LÊ THỊ THANH HUYỀN	26/03/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
261	YTB010072	NGUYỄN THỊ HUYỀN	29/04/1997	Nữ		2NT	20.25	1	1	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
262	DCN005869	HẠNG A LA	08/03/1997	Nam	01	1	19.25	3.5	3.5	22.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
263	THV007144	ĐÀO TRỌNG LỊCH	28/12/1997	Nam		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
264	SPH009393	BÙI THÙY LINH	13/05/1996	Nữ		1	21.25	1.5	1.5	22.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
265	BJA007371	ĐINH QUỲNH LINH	22/07/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
266	TLA007651	ĐỖ KHÁNH LINH	08/06/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
267	TND014070	ĐỖ THÙY LINH	12/06/1997	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
268	TQU003152	NGUYỄN DIỆU LINH	05/07/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
269	HHA008356	TRẦN VŨ PHƯƠNG LINH	16/12/1997	Nữ		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
270	HVN006453	TRẦN VĂN LƯU	29/10/1997	Nam		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
271	HHA008826	PHẠM THÚY LY	21/04/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
272	TQU003500	ĐINH THỊ TUYẾT MAI	17/11/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
273	DCN007273	NGUYỄN HỮU MẠNH	14/12/1997	Nam		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
274	HHA009270	PHẠM ANH MINH	22/10/1995	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
275	HVN006957	NGUYỄN UYÊN MY	29/10/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
276	BJA008897	VŨ THỊ MY	14/06/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
277	THV008875	BÙI HOÀI NAM	24/12/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
278	YTB015080	VŨ THỊ HẢI NAM	21/10/1997	Nữ		2NT	21.75	1	1	22.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
279	TTB004259	ĐỖ THỊ THỦY NGÂN	08/10/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
280	HVN007328	VŨ THỊ HÀ NGÂN	16/12/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
281	TLA010086	LÂM BẢO NGỌC	25/01/1997	Nữ	06	3	22	1	1	23	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
282	HHA010289	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	24/10/1997	Nam		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
283	TLA010529	NGUYỄN HỒNG NHUNG	26/12/1997	Nữ	06	3	21	1	1	22	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
284	TDV023146	TRẦN THỊ OANH	28/07/1996	Nữ		2NT	21.25	1	1	22.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
285	BJA010336	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	08/02/1997	Nữ		3	21.75	0	0	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
286	TLA011095	TẠ PHƯƠNG PHƯƠNG	11/11/1997	Nữ		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
287	TTB004973	VŨ THỊ KIM PHƯƠNG	23/02/1997	Nữ		1	21.5	1.5	1.5	23	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
288	HHA011710	ĐỖ THỊ HƯƠNG QUỲNH	26/01/1997	Nữ		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
289	HDT021150	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	05/01/1996	Nữ		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
290	SPH014709	ĐỖ HỒNG SƠN	05/10/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
291	HDT022333	LÊ THỊ TÂN	02/06/1997	Nữ		1	21	1.5	1.5	22.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
292	THV012123	ĐINH PHƯƠNG THẢO	11/08/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
293	KQH013218	NGUYỄN THỊ THOA	05/10/1996	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
294	YTB020823	ĐỖ HƯƠNG THU	15/03/1997	Nữ		2NT	21	1	1	22	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
295	TTN019291	TRẦN ĐỖ MINH THU	09/10/1997	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
296	YTB021427	PHẠM THU THỦY	15/01/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
297	SPH017080	TRỊNH VĂN TIẾN	30/01/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
298	TLA013765	MA THẾ TOÀN	05/11/1997	Nam	06	3	23.5	1	1	24.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
299	HHA014318	PHẠM VIỆT TOÀN	24/12/1997	Nam		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
300	BKA013442	NGUYỄN QUỲNH TRANG	08/09/1997	Nữ		3	22	0	0	22	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
301	THV014019	TRẦN THÙY TRANG	23/08/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
302	HHA014843	TRỊNH THỊ THU TRANG	07/10/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
303	KQH014963	TRẦN ĐỨC TRỌNG	20/01/1997	Nam		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
304	HHA015060	ĐỖ QUANG TRUNG	25/09/1996	Nam		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
305	HVN011624	NGUYỄN QUANG TUÂN	11/02/1997	Nam		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
306	HVN011629	BÙI ANH TUẤN	26/06/1995	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
307	HHA015549	PHẠM MẠNH TUẤN	26/11/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
308	TND029164	PHẠM THỊ VÂN	17/08/1997	Nữ		1	20	1.5	1.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
309	THV000280	LÊ TRÂM ANH	20/11/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
310	TLA000664	NGUYỄN MỸ ANH	23/10/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
311	THP000555	NGUYỄN THỊ LAN ANH	30/09/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
312	YTB000910	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	11/05/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
313	SPH002254	NGÔ MINH CHÂU	10/12/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
314	TLA002001	TRẦN LÊ MINH CHIẾN	14/09/1996	Nam		2NT	20.5	1	1	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
315	HDT004067	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	27/01/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
316	YTB003801	NGUYỄN VŨ DŨNG	01/08/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
317	SPH003484	LAI THỊ MỸ DUYÊN	26/12/1997	Nữ		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
318	SPH005055	TRỊNH NGỌC HÀ	29/12/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
319	SPH005917	NGUYỄN THỊ HIỀN	08/10/1997	Nữ		2	20.75	0.5	0.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
320	TND009029	TRẦN THỊ NGỌC HÒA	17/09/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
321	BKA005226	ĐÌNH DUY HOÀNG	06/03/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
322	HHA006806	NGUYỄN MAI HƯƠNG	23/01/1997	Nữ		3	23.5	0	0	23.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
323	TLA006848	TRƯỜNG LAN HƯƠNG	26/12/1997	Nữ	06	3	21.75	1	1	22.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
324	SPH009530	HOÀNG KHÁNH LINH	12/01/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
325	TLA007751	HOÀNG PHƯƠNG LINH	31/12/1997	Nữ		3	22.25	0	0	22.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
326	THV007802	TRẦN TIỂU LINH	27/06/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
327	TLA008341	VŨ DIỆU LINH	16/05/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
328	HVN006581	NGÔ THỊ TUYẾT MAI	30/07/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
329	TLA009098	PHẠM DIỆU MI	01/10/1997	Nữ		3	22.5	0	0	22.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
330	TLA009115	CAO TRẦN ĐỨC MINH	16/12/1997	Nam		3	21	0	0	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
331	HDT018531	NGUYỄN VIỆT NHẬT	11/04/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
332	TDV023053	NGUYỄN THỊ OANH	27/12/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
333	SPH015547	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	19/05/1997	Nữ		3	22.5	0	0	22.5	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
334	TLA012678	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/12/1997	Nữ		3	21.75	0	0	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
335	TLA012962	LÊ ĐỨC THIÊN	17/11/1997	Nam		3	21.75	0	0	21.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
336	HDT025473	LÊ THỊ HUYỀN THƯƠNG	25/09/1995	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
337	THV013015	HOÀNG LỆ THỦY	05/06/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
338	THV013626	BÙI QUỲNH TRANG	09/10/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
339	TLA013945	HỒ THU TRANG	29/01/1997	Nữ		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
340	TLA015036	TRẦN ANH TUẤN	24/08/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Kinh tế đối ngoại	Nguyên vọng 1
341	THV000283	LÊ TÚ ANH	06/07/1997	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
342	TDV001982	TRƯỜNG THỊ HẢI ÂU	03/04/1997	Nữ		2NT	19	1	1	20	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
343	HDT002132	ĐỖ HỮU BÌNH	20/08/1997	Nam		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
344	THV001227	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	07/07/1997	Nữ		1	17.75	1.5	1.5	19.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
345	HDT005951	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	13/10/1997	Nam		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
346	HDT004156	ĐÀO XUÂN DŨNG	16/08/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
347	THP005228	VŨ HUY HIỆU	16/02/1997	Nam		2NT	19.75	1	1	20.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
348	DCN004531	CẦN THỊ THANH HUỆ	28/03/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
349	KQH006532	PHẠM ANH HÙNG	27/12/1997	Nam		2	18.5	0.5	0.5	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
350	HDT014008	LŨ VĂN LINH	14/01/1997	Nam	01	1	16.25	3.5	3.5	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
351	TQU003346	NGUYỄN BẢO LONG	27/05/1997	Nam		1	18	1.5	1.5	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
352	THV009178	PHẠM QUỲNH NGÀ	19/04/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
353	THV010671	VŨ THỊ PHƯỢNG	05/01/1997	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
354	KQH011255	HỒ DANH QUÂN	30/05/1997	Nam		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
355	HDT024363	HOÀNG THỊ THU	24/05/1996	Nữ		2NT	19	1	1	20	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
356	NLS013426	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	19/12/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
357	TND028380	TRỊNH THANH TÙNG	10/02/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
358	HHA016104	NGUYỄN THU VÂN	05/09/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
359	BKA015048	ĐẶNG ANH VŨ	09/02/1997	Nam		3	19	0	0	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 3
360	YTB025316	LÊ XUÂN VŨ	20/05/1997	Nam		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
361	TTB000487	MÙA A CHANG	14/08/1997	Nam	01	1	16.75	3.5	3.5	20.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
362	TQU000763	NGUYỄN THỊ DIỆN	04/04/1997	Nữ	01	1	17.75	3.5	3.5	21.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
363	DCN003118	PHÙNG THỊ THANH HẢI	16/01/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
364	SPH005598	NGUYỄN MINH HẰNG	05/01/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
365	HDT008561	NGUYỄN THẢO HIỀN	15/02/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 3
366	SPH005923	NGUYỄN THỊ HIỀN	11/05/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
367	TLA005160	NGUYỄN NGỌC HIẾU	14/03/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
368	HDT010515	MAI THỊ HUỆ	06/05/1996	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
369	TLA006850	TRƯƠNG THU HƯƠNG	25/03/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
370	TND015267	NÔNG TIẾN LỢI	10/12/1997	Nam	01	1	17.75	3.5	3.5	21.25	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
371	THV008845	TRẦN THỊ TRÀ MY	14/02/1997	Nữ		1	21	1.5	1.5	22.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
372	KHA006769	VŨ HÀ MY	13/04/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 3
373	YTB015311	DƯƠNG THỊ HƯƠNG NGÁT	09/11/1997	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
374	YTB015483	NGUYỄN THỊ NGHĨA	30/09/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
375	KQH009946	NGUYỄN THỊ NGỌC	25/04/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 4
376	KQH010505	ĐỖ THỊ OANH	23/04/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
377	TTB005175	ĐỖ HƯƠNG QUỲNH	14/07/1997	Nữ		1	20.25	1.5	1.5	21.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
378	HHA012964	NGUYỄN THỊ THẢO	05/06/1997	Nữ		1	17.5	1.5	1.5	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 2
379	BKA012897	VÕ MINH THƯ	23/11/1997	Nữ		3	19	0	0	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 1
380	THP014635	NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	07/03/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 3
381	YTB021965	PHẠM THỦY TIÊN	18/06/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Quản lý nhà nước	Nguyên vọng 3

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyện vọng trúng tuyển
382	KQH014363	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	29/05/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản lý nhà nước	Nguyện vọng 3
383	HHA015878	TẠ THỊ TUYẾN	23/01/1997	Nữ		2	19	0.5	0.5	19.5	Quản lý nhà nước	Nguyện vọng 1
384	TND000003	BẾ THÁI AN	29/10/1997	Nam	06	2	18	1.5	1.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
385	SPH000733	NGUYỄN HÀ ANH	10/02/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
386	SPH001117	NGUYỄN THẾ VIỆT ANH	13/08/1996	Nam		2NT	18	1	1	19	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
387	TLA003392	NGUYỄN DƯƠNG HẢI ĐĂNG	28/07/1996	Nam		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
388	SPH004387	TRẦN ANH ĐỨC	04/01/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 3
389	HHA002335	PHẠM MẠNH DŨNG	12/10/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
390	SPH005196	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	24/06/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
391	SPH005987	NGUYỄN XUÂN HIỀN	16/02/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
392	HHA004798	PHẠM NGỌC HIỆP	13/01/1997	Nam		3	20.5	0	0	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
393	TND008813	NGUYỄN THỊ THANH HOA	07/03/1997	Nữ		1	20.25	1.5	1.5	21.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
394	HHA005458	NGUYỄN MINH HOÀNG	02/11/1997	Nam		3	20.25	0	0	20.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
395	TLA005634	TRẦN MINH HOÀNG	04/02/1997	Nam		3	21.25	0	0	21.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
396	YTB010680	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/05/1997	Nữ		2NT	18.25	1	1	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
397	SPH007594	TẠ ĐĂNG HUY	15/12/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
398	HDT011583	NGUYỄN THANH HUYỀN	28/08/1997	Nữ		1	17.75	1.5	1.5	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
399	HHA007235	NGUYỄN TÙNG KHÁNH	26/08/1997	Nam		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 3
400	SPH008931	NGUYỄN TRUNG KIÊN	05/10/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
401	HHA007570	BÙI THỊ TÙNG LÂM	30/01/1997	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
402	HDT013442	VŨ TRƯỜNG LÂM	27/08/1997	Nam		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
403	HDT013699	TRẦN THỊ QUỲNH LIÊN	15/07/1997	Nữ	06	2	20.75	1.5	1.5	22.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
404	DCN006604	TRẦN THỊ MỸ LINH	13/06/1997	Nữ		2NT	18.5	1	1	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
405	THV007889	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	26/03/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyện vọng trúng tuyển
406	TDV017726	NGUYỄN XUÂN LONG	04/04/1997	Nam		2NT	19	1	1	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
407	THV008358	ĐỖ PHƯƠNG MAI	01/10/1997	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
408	KHA007517	PHẠM NGỌC NHO	23/08/1995	Nam		1	18.5	1.5	1.5	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
409	TQU004138	VŨ HỒNG NHUNG	05/11/1997	Nữ		1	18.25	1.5	1.5	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
410	HDT019570	TRÌNH HỮU PHÚC	12/06/1991	Nam		2NT	22	1	1	23	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
411	TDV024175	TRẦN THỊ PHƯƠNG	10/12/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
412	HDT021889	TRẦN NAM SƠN	18/10/1997	Nam		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
413	HUI013759	HOÀNG THỊ TÂM	06/07/1997	Nữ	01	1	19	3.5	3.5	22.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
414	TND022389	CHU THỊ HÀ THANH	29/03/1997	Nữ	01	1	18	3.5	3.5	21.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
415	YTB019461	NGUYỄN KHẮC THÀNH	03/05/1997	Nam		2NT	20.5	1	1	21.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
416	THP014797	VŨ ĐỨC TIỀN	02/09/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
417	TDV032609	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	10/11/1997	Nữ		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
418	SPH017952	NGUYỄN MINH TRÍ	10/06/1997	Nam		3	19.25	0	0	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
419	DCN012411	NGUYỄN THỊ MINH TÚ	14/11/1997	Nữ		2NT	18	1	1	19	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
420	KHA010913	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	10/12/1991	Nữ		2	18.5	0.5	0.5	19	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
421	HVN011750	NGUYỄN VĂN TUẤN	10/11/1996	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
422	HDT029351	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	20/04/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
423	HDT029958	LƯƠNG TUẤN VŨ	14/11/1997	Nam		1	18	1.5	1.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
424	TND030127	PHẠM THỊ YẾN	03/10/1997	Nữ	01	1	17	3.5	3.5	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
425	TND000828	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	20/01/1996	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
426	SPH004004	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	18/07/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
427	TLA002610	LƯU THUỖNG DŨNG	18/11/1990	Nam		3	19.25	0	0	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2
428	HDT007963	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/05/1996	Nữ		1	18.25	1.5	1.5	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 1
429	HDT009854	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	12/12/1996	Nam		2	19	0.5	0.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyện vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
430	TDV013713	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	07/09/1997	Nữ		1	18	1.5	1.5	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 3
431	SPH009410	DƯƠNG KHÁNH LINH	17/11/1997	Nữ		3	19.5	0	0	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
432	THP008238	HÀ MAI LINH	14/07/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 2
433	TLA008360	VŨ PHƯƠNG LINH	19/06/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 3
434	TLA008714	NGUYỄN THỊ HUYỀN LƯƠNG	15/08/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 2
435	TDV018372	NGUYỄN THỊ THẢO LY	25/11/1997	Nữ		2NT	18.75	1	1	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 3
436	BKA009163	NGUYỄN THỊ NGÀ	12/03/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 2
437	SPH012961	MAI PHƯƠNG NHI	13/09/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
438	KQH010304	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	04/06/1997	Nữ		2	18.75	0.5	0.5	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
439	BKA011192	TRẦN TẤN SANG	12/01/1997	Nam		3	19.5	0	0	19.5	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
440	TLA011925	PHẠM NGỌC SƠN	11/01/1997	Nam		3	19.25	0	0	19.25	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
441	LNH009107	ĐẶNG THỊ THUỶ	26/10/1997	Nữ		2	19.25	0.5	0.5	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
442	BKA013386	LÊ THÁI QUỲNH TRANG	05/02/1997	Nữ		3	19.75	0	0	19.75	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 2
443	HHA014738	PHẠM MINH TRANG	27/11/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 1
444	HHA016022	NGUYỄN THÀNH VĂN	04/11/1997	Nam		2NT	19.5	1	1	20.5	Quản trị kinh doanh	Nguyên vọng 2
445	HVN000036	TẠ THỊ THÚY AN	06/06/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
446	TTB000062	ĐÀO MAI ANH	20/09/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
447	TLA000672	NGUYỄN MAI ANH	19/04/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
448	HDT000970	NGUYỄN MINH ANH	09/05/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
449	THV000508	NGUYỄN THÁI ANH	17/09/1997	Nam		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
450	TDV000973	NGUYỄN THỊ MAI ANH	25/07/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
451	HDT001223	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	16/11/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
452	TLA001063	PHẠM HÀ ANH	26/10/1997	Nữ		3	21	0	0	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
453	DCN000816	NGUYỄN NGỌC ÁNH	18/05/1997	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyện vọng trúng tuyển
454	TDV001802	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/10/1997	Nữ		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
455	SPH003755	NGHIÊM THỌ ĐẠI	20/10/1997	Nam		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
456	KQH002805	LƯU TIẾN ĐẠT	28/09/1996	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
457	HDT005972	NGUYỄN HỮU ĐỨC	15/10/1997	Nam		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
458	HHA003413	VŨ TRUNG ĐỨC	29/04/1997	Nam		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
459	HDT003851	LÊ THỊ DUNG	17/10/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
460	SPH003615	NGÔ MINH DƯƠNG	02/03/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
461	THP002589	NGUYỄN MỸ DUYÊN	05/07/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
462	TDV007211	LÊ THỊ HÀ GIANG	26/01/1997	Nữ		2	21.5	0.5	0.5	22	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
463	DCN002993	TRẦN THỊ HÀ	11/01/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
464	DCN003431	NGUYỄN NHƯ HẰNG	17/06/1996	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
465	TQU001546	LÊ THÚY HẠNH	01/11/1997	Nữ		1	20	1.5	1.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
466	TLA005178	NGUYỄN TRUNG HIẾU	07/04/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
467	HHA005036	NGUYỄN NGỌC HIỆU	02/09/1997	Nam		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
468	SPH006942	TRẦN VĂN HOÀNG	27/01/1996	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
469	HVN004147	VŨ THỊ HOA HÒE	19/07/1997	Nữ		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
470	SPH007042	NGUYỄN THỊ THUÝ HỒNG	10/11/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
471	SPH019916	PHÙNG QUANG HUY	02/04/1996	Nam		2NT	19.25	1	1	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
472	TLA006498	VŨ THƯƠNG HUYỀN	18/06/1996	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
473	YTB011713	BÙI MAI LAM	11/06/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
474	THV006883	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LAN	10/04/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
475	DCN006167	BÁ KIỀU LINH	13/11/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
476	TND014030	DƯƠNG THỊ HẰNG LINH	18/04/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
477	SPH009980	NGUYỄN THÙY LINH	13/04/1997	Nữ		3	21.25	0	0	21.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
478	THV007698	PHẠM THỊ HOÀI LINH	02/01/1996	Nữ		1	19.25	1.5	1.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
479	HDT014831	TRẦN KHÁNH LINH	13/12/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
480	TND015610	CHU THỊ KHÁNH LY	22/07/1996	Nữ	01	1	18	3.5	3.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
481	TQU003517	NGUYỄN SAO MAI	28/02/1997	Nữ	01	1	18.25	3.5	3.5	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
482	TND016244	NGUYỄN TUẤN MẠNH	16/01/1997	Nam		2	21	0.5	0.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
483	TLA009166	LÊ ĐỨC MINH	28/06/1997	Nam		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
484	TQU003666	MAI KHÁNH MY	09/09/1997	Nữ	01	1	17.5	3.5	3.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
485	SPH011770	BÙI HOÀI NAM	15/12/1997	Nam		3	20.75	0	0	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
486	SPH012022	PHẠM HOÀNG NAM	26/08/1997	Nam		2	20.5	0.5	0.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
487	TQU003844	ĐINH TRỌNG NGHĨA	28/04/1997	Nam	01	1	16.75	3.5	3.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
488	TND018454	TÔ ÁNH NGUYỆT	08/02/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
489	KHA007805	TRỊNH TẤN PHONG	02/02/1997	Nam		3	21.25	0	0	21.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
490	HVN008217	ĐẶNG THỂ PHƯƠNG	11/12/1997	Nam		2NT	20.25	1	1	21.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
491	THV011193	TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	25/01/1997	Nữ		1	19.5	1.5	1.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
492	HDT021834	PHAN HỒNG SƠN	01/08/1997	Nam		1	18.5	1.5	1.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
493	SPH015082	NGUYỄN MINH TÂM	06/05/1997	Nam		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
494	HDT023568	PHẠM THỊ THẨM	26/08/1997	Nữ		2NT	19	1	1	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
495	HDT022898	NGUYỄN TẮT THÀNH	16/11/1996	Nam		2NT	20.75	1	1	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
496	TTB005806	VÌ TIẾN THÀNH	25/07/1997	Nam	01	1	18.5	3.5	3.5	22	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
497	TQU005058	KHÔNG THỊ PHƯƠNG THẢO	08/06/1997	Nữ		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
498	DHU021465	TRẦN THỊ THANH THẢO	18/05/1996	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
499	DCN011123	ĐỖ THỊ THÚY	17/11/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
500	TDV030542	TRỊNH LÊ PHƯƠNG THỦY	28/01/1997	Nữ		2	21.75	0.5	0.5	22.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
501	LNH010520	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	16/08/1997	Nữ	01	1	17	3.5	3.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyên vọng trúng tuyển
502	TLA015435	ĐÀO THANH VÂN	08/11/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
503	TDV036040	LÊ HOÀNG VIỆT	08/03/1997	Nam		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
504	TND029794	NGUYỄN THỊ XUÂN	02/04/1997	Nữ		1	19	1.5	1.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
505	DCN000321	NGUYỄN HỒNG ANH	23/01/1997	Nữ		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
506	HVN000343	NGUYỄN KIỀU ANH	02/12/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
507	TND001147	TRẦN VIỆT ANH	01/12/1997	Nam		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
508	TDV003204	LÊ THỊ CHINH	05/08/1997	Nữ		2NT	19	1	1	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
509	TDV005356	NGUYỄN THỊ DUYÊN	24/06/1997	Nữ		1	20	1.5	1.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
510	HDT006215	ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG	28/10/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
511	THV003244	HOÀNG NGỌC HƯƠNG GIANG	15/12/1997	Nữ		2	20.5	0.5	0.5	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
512	SPH005033	TRẦN THỊ THU HÀ	08/01/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
513	HHA004139	TRẦN QUANG HẢI	21/02/1997	Nam		3	21	0	0	21	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
514	SPH005534	ĐÀO THỊ HẰNG	01/05/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
515	THV004290	LÊ NGUYỄN THẢO HIỀN	11/02/1997	Nữ		1	18.5	1.5	1.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
516	HUI005117	LÂM THỊ THÚY HOA	03/10/1997	Nữ	01	1	17.25	3.5	3.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
517	THV004744	NGUYỄN KIM HOA	06/04/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
518	KQH005702	HOÀNG THỊ HUỆ	04/10/1997	Nữ		2	20.25	0.5	0.5	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
519	THP006889	VŨ DUY HÙNG	05/11/1997	Nam		2	19.75	0.5	0.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
520	HHA006729	ĐINH THỊ HƯƠNG	09/07/1997	Nữ		1	20.75	1.5	1.5	22.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
521	THP007074	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	12/05/1997	Nữ		2NT	21.75	1	1	22.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
522	HHA006961	VŨ LAN HƯƠNG	10/07/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
523	BKA006758	PHẠM DUY KHÁNH	02/11/1996	Nam		2NT	19.5	1	1	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2
524	TQU002821	HOÀNG MINH KHÔI	23/04/1997	Nam	01	1	18.25	3.5	3.5	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 1
525	TLA007339	LÊ HƯƠNG LAN	30/07/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyên vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyện vọng trúng tuyển
526	LNH005241	ĐÌNH THỊ MỸ LINH	24/09/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
527	TQU003169	NGUYỄN NGỌC LINH	30/08/1997	Nữ	01	1	17	3.5	3.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
528	DCN006489	NGUYỄN THÙY LINH	21/11/1996	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
529	THP008472	PHẠM KHÁNH LINH	26/07/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
530	SPH010087	PHẠM THỊ LINH	26/04/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
531	YTB012932	PHAN THỊ PHƯƠNG LINH	01/09/1997	Nữ		2NT	22	1	1	23	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
532	HDT014900	TRỊNH MỸ LINH	03/07/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
533	TLA008352	VŨ KHÁNH LINH	26/11/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
534	HVN006500	NGUYỄN THỊ THẢO LY	18/01/1997	Nữ		3	20.5	0	0	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
535	TDV018598	HỒ PHƯƠNG MAI	16/10/1997	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
536	YTB014533	NGUYỄN THỊ THU MINH	01/05/1997	Nữ	06	2NT	18.5	2	2	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
537	THP009674	BÙI VŨ TRÀ MY	13/06/1997	Nữ		2	19.5	0.5	0.5	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
538	HVN007226	NGUYỄN THANH NGÀ	19/09/1997	Nữ		2	21.5	0.5	0.5	22	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
539	KQH009668	LƯU THỊ THANH NGÂN	30/10/1997	Nữ		2NT	20	1	1	21	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
540	BKA009857	NGUYỄN THẢO NHI	30/03/1997	Nữ		3	20.25	0	0	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
541	TDV024025	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/11/1997	Nữ		1	19.75	1.5	1.5	21.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
542	THV010512	NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	13/04/1997	Nữ		1	20	1.5	1.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
543	TQU004390	VŨ HẰNG PHƯƠNG	10/04/1997	Nữ		1	20.5	1.5	1.5	22	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
544	HHA011623	NGUYỄN LỆ QUYÊN	23/09/1997	Nữ		2	21.25	0.5	0.5	21.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
545	KHA008418	ĐÌNH THỊ DIỆU QUỲNH	29/12/1997	Nữ		2NT	19.5	1	1	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
546	TDV027953	ĐẶNG THỊ THẢO	08/03/1997	Nữ		2NT	19.75	1	1	20.75	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
547	YTB021763	LÊ THỊ THU THƯƠNG	08/07/1997	Nữ		2NT	19.25	1	1	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
548	YTB021362	NGUYỄN THỊ THU THỦY	30/07/1997	Nữ		2NT	20.5	1	1	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
549	TLA014365	MAI BẢO TRÂM	24/10/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 6 NĂM 2015

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Khu vực ưu tiên	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Ngành trúng tuyển	Nguyện vọng trúng tuyển
550	SPH017280	CAO THỊ THU TRANG	27/10/1997	Nữ		2	21	0.5	0.5	21.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 2
551	TLA014219	PHẠM NGỌC TRANG	12/07/1997	Nữ		3	20	0	0	20	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
552	TND026001	TRẦN HUYỀN TRANG	20/12/1997	Nữ		1	18.75	1.5	1.5	20.25	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 3
553	SPH018510	HOÀNG MINH TUẤN	06/01/1997	Nam		2	21.5	0.5	0.5	22	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1
554	YTB024811	PHẠM THỊ TỔ UYÊN	28/02/1996	Nữ		2	20	0.5	0.5	20.5	Tài chính ngân hàng	Nguyện vọng 1